

Phụ lục 4.1: Tuyến cao tốc Dầu Giây - Liên Khương (CT.27)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1 và đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, thuộc địa phận xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại khu vực đèo Prenn, thuộc địa phận phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng chiều dài khoảng 220 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Đồng Nai và Lâm Đồng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.20.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 04 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 2.040 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 45.978 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.2: Tuyến cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (CT.28)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.56, thuộc địa phận phường Tam Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng chiều dài khoảng 54 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 - 8 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

- Đoạn QL.1 - cao tốc Bắc - Nam phía Đông và đoạn cao tốc Bến Lức - Long Thành - QL.56: 6 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cao tốc Bến Lức - Long Thành: 8 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 508 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 25.600 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.3: Tuyến cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (CT.29)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc địa phận phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1 thuộc, địa phận xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai.

Tổng chiều dài khoảng 30 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 - 10 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

- Đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành: 10 làn xe.

- Đoạn nút giao với cao tốc Bắc - Nam phía Đông - Dầu Giây: 6 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 282 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 16.668 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.4: Tuyến cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư (CT.30)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc địa phận phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại khu vực khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, thuộc địa phận xã Lộc Thạnh, tỉnh Đồng Nai.

Tổng chiều dài khoảng 118 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến đi theo hướng tuyến dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.062 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 49.732 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.5: Tuyên cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (CT.31)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Phú Hòa Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.22, thuộc địa phận xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 51 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.22.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 459 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 19.617 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.6: Tuyên cao tốc Gò Dầu - Xa Mát (CT.32)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, thuộc địa phận xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Xa Mát, thuộc địa phận xã Tân Lập, tỉnh Tây Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 72 km. Đi qua địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.22B.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 576 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 21.600 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.7: Tuyến cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33)

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.50 và đường Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng thuộc địa phận xã Tàì Văn, thành phố Cần Thơ.

Tổng chiều dài khoảng 151 km. Đi qua địa bàn 5 tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Tây Ninh, Đồng Tháp và Vĩnh Long.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với đường ven biển.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.380 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 59.550 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.8: Tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (CT.34)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.91, thuộc địa phận phường Vĩnh Tế, tỉnh An Giang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với quốc lộ Nam Sông Hậu, thuộc địa phận xã Trần Đề, thành phố Cần Thơ.

Tổng chiều dài khoảng 188km. Đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.767 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 19.740 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.9: Tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu (CT.35)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cửa khẩu Hà Tiên, thuộc địa phận phường Hà Tiên, tỉnh An Giang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

Tổng chiều dài khoảng 195km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, An Giang và Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Hà Tiên - Rạch Giá: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.80.

Đoạn Rạch Giá - Bạc Liêu: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.63.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.560 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 58.500 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.10: Tuyến cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh (CT.36)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cửa khẩu Dinh Bà, thuộc địa phận xã Tân Hộ Cơ, tỉnh Đồng Tháp.

Điểm cuối: tại khu vực cảng Định An, thuộc địa phận xã Đại An, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng chiều dài khoảng 181km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Đồng Tháp và Vĩnh Long.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Dinh Bà - Cao Lãnh và đoạn Cao Lãnh - An Hữu: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.91.

Đoạn An Hữu - Trà Vinh: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.54.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.448 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 54.300 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.11: Tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi (CT.43)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông thuộc địa phận xã Hồ Thị Kỷ, tỉnh Cà Mau.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Phan Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau.

Tổng chiều dài khoảng 82km. Đi qua địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.1.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 656 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 24.000 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).